

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-PT
Ngày 25/6/2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Kiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2018/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2018.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Giao Hồng L. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Giao Hồng L, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Hộ kinh doanh M (nay là Hộ kinh doanh B).

Địa chỉ: Phường T, thành phố T, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1960.

Địa chỉ: H, Khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1987.

2. Chị Hồ Lê Thanh T, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T: Anh Nguyễn Thanh P1, sinh năm 1987. (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2018)

Anh P1, chị T cùng địa chỉ: Phường T, thành phố T, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Hữu P.

(Bà L, ông P, anh P1 có mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Giao Hồng L trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2017, bà L có mua bán gạo với ông P – là chủ hộ kinh doanh M (nay là hộ kinh doanh B), việc giao dịch không lập hợp đồng, con trai và con dâu của ông P là anh Nguyễn Thanh P1 và chị Hồ Lê Thanh T trực tiếp mua và bán gạo, ông P trực tiếp nhận và thanh toán tiền. Đến ngày 22/7/2017, bà và ông P, anh P1 và chị T lập Biên bản đối chiếu công nợ, bên ông P thừa nhận còn nợ bà số tiền 2.412.918.000 đồng. Lúc đó ông P không có mặt nên không ký tên vào biên bản mà chỉ có anh P1 và chị T ký tên xác nhận nợ và thỏa thuận mỗi tháng trả cho bà 15.000.000 đồng (vào ngày 22 hàng tháng) đến Tết âm lịch cuối năm 2017, còn về sau thỏa thuận lại. Đến ngày 28/8/2017, anh P1 và chị T chỉ chuyển trả cho bà 13.000.000 đồng, đến lần trả nợ tiếp theo là ngày 22/9/2017 thì không chuyển tiền tiếp cho bà. Đến ngày 05/10/2017, anh P1 có điện thoại cho bà đến kho M để thỏa thuận cách thức trả nợ nhưng không thỏa thuận được.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thanh P1 và chị Hồ Lê Thanh T liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền 2.399.918.000 đồng (hai tỉ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng), trả tiền làm một lần và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 19/10/2017 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Từ năm 2009 đến nay ông đã giao lại việc kinh doanh mua bán gạo của Hộ kinh doanh M (nay là Hộ kinh doanh B) cho anh P1 và chị T, nên nghĩa vụ trả tiền mua gạo là của anh P1 và chị T. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P1 trình bày:

Anh P1 thừa nhận vợ chồng anh còn nợ bà L số tiền 2.399.918.000 đồng (hai tỉ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười tám nghìn đồng) và đồng ý

trả cho bà L số tiền trên nhưng hiện nay do việc mua bán gạo bị lỗ nên xin bà L cho vợ chồng anh trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ trên và không tính lãi.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Giao Hồng L do bà Giao Hồng L là người đại diện hộ kinh doanh. Buộc bị đơn là Hộ kinh doanh M (hộ kinh doanh B) do ông Nguyễn Hữu P là người đại diện hộ kinh doanh và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh P1, chị Hồ Lê Thanh T liên đới trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh Giao Hồng L số tiền 2.399.918.000 đồng trong hợp đồng mua bán tài sản và 76.701.378 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.476.619.378 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi do chậm trả, quyền kháng cáo và việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/02/2018, ông Nguyễn Hữu P nộp đơn kháng cáo. Ngày 14/3/2018 và ngày 03/4/2018, ông Nguyễn Hữu P nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hữu P trình bày cho rằng hiện nay ông đã lớn tuổi, việc kinh doanh của hộ kinh doanh M và tài sản của ông đã giao cho anh P1 và chị T nên không đồng ý liên đới trả nợ cho bà L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Ông P vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Hộ kinh doanh M, nay là Hộ kinh doanh B và là người trực tiếp thực hiện việc thanh toán tiền mua gạo cho bà L. Do đó, án sơ thẩm buộc ông P liên đới trả nợ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông P, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông P là đúng luật theo quy định tại Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Bà L không rút đơn khởi kiện. Ông P không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể số 50A8002454 do Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố T, tỉnh L cấp lần đầu ngày 09/7/2003 đăng ký tên hộ kinh doanh M, đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 21/6/2017 là hộ kinh doanh B thể hiện ông Nguyễn Hữu P là người đại diện hộ gia đình đăng ký ngành nghề kinh doanh bán gạo, tằm, cám (bút lục số 134, 135). Theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 53H8001314 do Phòng Tài chính Kế hoạch huyện G, tỉnh T cấp lần đầu ngày 25/9/2014, thể hiện cá nhân bà Giao Hồng L là người đăng ký hộ kinh doanh Giao Hồng L, ngành nghề kinh doanh là mua bán lúa, gạo (bút lục số 152). Theo khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp thì *“Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc một nhóm người gồm các cá nhân là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới mười lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh”*. Căn cứ Điều 84, 106, 107 và 110 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 74, 101 và 103 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Nguyên đơn và Bị đơn trong vụ án lần lượt là Hộ kinh doanh M và Hộ kinh doanh Giao Hồng L là không chính xác, cần sửa phần này của bản án sơ thẩm.

Về kháng cáo của ông Nguyễn Hữu P không đồng ý liên đới với anh Nguyễn Thanh P1 và chị Hồ Lê Thanh T để trả nợ cho bà Giao Hồng L:

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện trên các biên nhận nhận gạo do bà L giao cho ông P trong khoảng thời gian từ năm 2015-2016 đều là Biên nhận theo mẫu in sẵn tên “Kho gạo M” (bút lục số 41-81). Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 22/7/2017, anh Nguyễn Thanh P1 và chị Hồ Lê Thanh T thừa nhận tính đến ngày 22/7/2017 thì anh chị còn nợ bà L tiền mua gạo với tổng số tiền là 2.412.918.000 đồng. Mặc dù ông P không ký tên vào Biên bản này, nhưng trong khoảng thời gian từ ngày 13/01/2015 đến ngày 15/02/2017 chính ông P đã có 41 lần thanh toán tiền mua gạo cho bà L thông qua hình thức chuyển khoản từ tài khoản của ông P tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh tỉnh L sang tài khoản của bà Giao Hồng L tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện G, tỉnh T (bút lục số 02 đến 52). Do đó, việc ông P cho rằng không còn liên quan đến các giao dịch kinh doanh của Hộ kinh doanh M là không có căn cứ. Án sơ thẩm buộc ông P liên đới cùng anh P1 và chị T trả tiền mua gạo còn nợ cho chị L là hoàn toàn có căn cứ, cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, bác kháng cáo của ông P.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu do bị bác kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 290, 298 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 288, 440 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Nguyễn Hữu P,
2. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 31/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.
3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Giao Hồng L là chủ hộ kinh doanh Giao Hồng L.
4. Buộc ông Nguyễn Hữu P và anh Nguyễn Thanh P1, chị Hồ Lê Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Giao Hồng L là chủ hộ kinh doanh Giao Hồng L số tiền nợ gốc là 2.399.918.000 (hai tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, chín trăm mười tám ngàn) đồng và 76.701.378 đồng tiền lãi (bảy mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ một ngàn, ba trăm bảy mươi tám) đồng, tổng cộng là 2.476.619.378 (hai tỉ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm mười chín ngàn, ba trăm bảy mươi tám) đồng.
5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.
6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:
 - 6.1. Bà Giao Hồng L không phải chịu. Hoàn trả cho bà Giao Hồng L là chủ hộ kinh doanh Giao Hồng L số tiền 40.129.180 (bốn mươi triệu, một trăm hai mươi chín ngàn, một trăm tám mươi) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001559 ngày 23/10/2017.
 - 6.2. Ông Nguyễn Hữu P, anh Nguyễn Thanh P1 và chị Hồ Lê Thanh T phải liên đới chịu 81.532.387 (tám mươi một triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm tám mươi bảy) đồng.

7. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Hữu P phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng, được khấu trừ vào 2.000.000 (hai triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0001940 ngày 14/3/2018 và số 0002002 ngày 03/4/2018.
8. Tất cả các biên lai thu tạm ứng án phí đều của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh L.
9. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
10. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 25 tháng 6 năm 2018./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục